

BỘ Y TẾ
Số: 15/1999/TT-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân và Nghị định số 06/CP ngày 29/1/1994 của Chính phủ về cụ thể hoá một số điều trong Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân thuộc lĩnh vực hành nghề y

Căn cứ Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân ngày 30/09/1993

Căn cứ Nghị định số 06/CP ngày 29/1/1994 của Chính phủ cụ thể hoá một số điều trong Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân;

Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể việc hành nghề Y tư nhân như sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Hình thức tổ chức các cơ sở hành nghề Y tư nhân:

1. Bệnh viện tư nhân:

- Đa khoa
- Chuyên khoa

2. Phòng khám đa khoa: Là phòng khám có nhiều chuyên khoa.

3. Phòng khám chuyên khoa:

- Phòng khám nội: gồm các loại :
 - + Phòng khám nội tổng hợp
 - + Các phòng khám thuộc hệ nội
 - + Phòng khám gia đình
 - + Phòng tư vấn y tế qua điện thoại
- Phòng khám chuyên khoa ngoại
- Phòng khám chuyên khoa phụ sản - kế hoạch hoá gia đình.
- Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt

- Phòng khám chuyên khoa mắt
- Phòng khám chuyên khoa tai mũi họng
- Phòng khám chuyên khoa giải phẫu thẩm mỹ
- Phòng khám chuyên khoa điều dưỡng - phục hồi chức năng
- Phòng khám chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh
- Phòng xét nghiệm: Sinh hoá, huyết học, vi sinh, giải phẫu bệnh vi thể.

4. Nhà hộ sinh

5. Dịch vụ Y tế

- Phòng làm răng giả
- Tiêm chích thay băng
- Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà.

Điều 2: Các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở khám chữa bệnh tư và những người hành nghề y tư nhân được khuyến khích và hưởng ưu đãi theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước ngày 20/5/1998. Người đứng đầu các cơ sở khám chữa bệnh tư phải đủ tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề phù hợp với từng loại hình theo quy định của Thông tư này.

Điều 3: Công chức, sỹ quan tại ngũ trong lực lượng vũ trang nhân dân không được tham gia thành lập hoặc quản lý bệnh viện tư, cơ sở khám chữa bệnh thành lập theo Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty (theo Luật doanh nghiệp khi Luật này có hiệu lực), nhưng được ký hợp đồng với bệnh viện tư, các cơ sở khám chữa bệnh trên để làm việc ngoài giờ hoặc được phép đăng ký hành nghề ngoài giờ dưới các hình thức tổ chức khác nếu các đối tượng đó được thủ trưởng cơ quan đồng ý bằng văn bản.

Điều 4: Cơ sở khám chữa bệnh phải có biển hiệu theo quy định, phải công khai, thực hiện đúng giá viện phí và phạm vi hành nghề cụ thể. Phạm vi hành nghề và giá viện phí phải được cấp có thẩm quyền cấp “Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện thành lập cơ sở hành nghề y tư nhân” phê duyệt.

Điều 5: Các cơ sở khám chữa bệnh tư chỉ được phép hoạt động sau khi được cấp Y tế có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện thành lập cơ sở

hành nghề y tư nhân.

Điều 6: Mọi cơ sở hành nghề y tư nhân phải đăng ký và nộp lệ phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện thành lập cơ sở hành nghề y tư nhân theo quy định của Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Y tế.

CHƯƠNG II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN VÀ PHẠM VI HÀNH NGHỀ CỦA CÁC CƠ SỞ HÀNH NGHỀ Y TƯ NHÂN

Điều 7: Bệnh viện: Bệnh viện là cơ sở khám chữa bệnh có điều trị nội trú và ngoại trú. Bệnh viện có thể là bệnh viện đa khoa hay bệnh viện chuyên khoa.

1. Tiêu chuẩn:

Giám đốc bệnh viện là bác sỹ đa khoa hay chuyên khoa đã thực hành 5 năm tại bệnh viện.

Trưởng khoa là bác sỹ chuyên khoa đã thực hành 5 năm ở cơ sở khám chữa bệnh hợp pháp, trong đó có 3 năm thực hành chuyên khoa.

2. Điều kiện:

- Bệnh viện ít nhất có 21 giường bệnh.
- Tổ chức, cán bộ cần phù hợp với quy mô bệnh viện.
- Cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế thực hiện theo đúng các quy định trong quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997-BYT-QĐ ngày 19/09/1997.

Bệnh viện phải có đủ:

- + Khoa khám bệnh - khoa cấp cứu.
- + Các khoa điều trị.
- + Các khoa cận lâm sàng.
- + Có đủ điện, nước, thiết bị phòng cháy chữa cháy, hệ thống xử lý chất thải.
- + Trang thiết bị y tế từng khoa (ít nhất phải tương đương tuyến huyện) theo "Quy định danh mục trang thiết bị y tế bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã" được ban hành kèm theo Quyết định số 1419/BYT-QĐ ngày 23/8/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Phạm vi hành nghề:

Thực hiện theo đúng danh mục kỹ thuật đã được Bộ Y tế cho phép. Bệnh viện phải nhận bệnh nhân trong tình trạng cấp cứu, chỉ được chuyển viện sau khi đã cấp cứu.

Điều 8: Phòng khám đa khoa: Phòng khám đa khoa là cơ sở khám chữa bệnh gồm nhiều phòng khám chuyên khoa (ít nhất có 2) do một giám đốc phụ trách chung.

1. Tiêu chuẩn:

Giám đốc phòng khám đa khoa là bác sĩ đa khoa hay chuyên khoa đã thực hành 5 năm tại bệnh viện; Trưởng phòng khám chuyên khoa là bác sĩ chuyên khoa đã thực hành 5 năm tại cơ sở khám chữa bệnh hợp pháp, trong đó có 3 năm thực hành chuyên khoa.

2. Điều kiện:

Cơ sở hạ tầng: phải đảm bảo đủ diện tích. Trang thiết bị phải đủ tiêu chuẩn và điều kiện như phòng khám chuyên khoa. Ngoài các phòng khám chuyên khoa, phòng khám đa khoa nhất thiết phải có phòng đợi, phòng cấp cứu, phòng lưu (phòng lưu tối đa không quá 10 giường lưu và không lưu quá 24 giờ), có đủ công trình vệ sinh, điện nước, xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Phạm vi hành nghề:

Hành nghề theo danh mục của các chuyên khoa đã được duyệt.

Điều 9: Phòng khám nội:

Phòng khám nội gồm các loại:

- Phòng khám nội tổng hợp
- Các phòng khám thuộc hệ nội
- Phòng khám gia đình
- Phòng tư vấn y tế qua điện thoại

1. Tiêu chuẩn:

Người đăng ký hành nghề là bác sĩ đa khoa hay chuyên khoa đã thực hành 5 năm tại cơ sở khám chữa bệnh hợp pháp.

Ở các vùng núi cao, y sĩ đã thực hành 5 năm tại cơ sở khám chữa bệnh hay bác sĩ đã thực hành 3 năm được đăng ký hành nghề. Y sĩ không được hành nghề tư vấn qua điện thoại.

2. Điều kiện:

a. Phòng khám nội tổng hợp, các phòng khám thuộc hệ nội phải có dụng cụ chuyên môn tối thiểu, có hộp thuốc cấp cứu và chống choáng (phụ lục 1 và 2) ít nhất phải có 1 buồng khám riêng biệt 10m², có giường khám, bàn làm việc. Cơ sở phải thoáng mát, ngăn nắp đảm bảo ánh sáng, nước, công trình vệ sinh và tách biệt với nơi sinh hoạt gia đình.

b. Phòng khám gia đình phải có dụng cụ chuyên môn tối thiểu, có hộp thuốc cấp cứu và chống choáng (phụ lục 1 và 2).

3. Phạm vi hành nghề:

a. Phòng khám nội tổng hợp, phòng khám gia đình:

- Tư vấn sức khỏe và kế hoạch hoá gia đình.
- Quản lý sức khỏe.
- Sơ cứu, cấp cứu, khám và kê đơn, điều trị các bệnh thông thường, không làm các thủ thuật chuyên khoa. Phát hiện những trường hợp vượt khả năng, chuyển đến phòng khám chuyên khoa hay tuyến trên.
- Khám ngoại: sơ cứu gãy xương, không bó bột, không làm tiểu phẫu.
- Khám sản phụ: khám thai, quản lý thai sản, không đỡ đẻ.
- Khám răng, không nhổ răng.
- Khám tai mũi họng: soi tai mũi họng, không chích rạch viêm tai giữa.
- Làm các xét nghiệm đơn giản bằng giấy thử.
- Lấy bệnh phẩm gửi đi xét nghiệm, không sinh thiết, không chọc dò.
- Điện tim, siêu âm v.v... không cần phải cấp giấy chứng nhận riêng, nhưng phải có giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và đã được thực hành về các chuyên khoa này của các cơ sở khám chữa bệnh hợp pháp, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho phép ghi trong phạm vi hành nghề. Các phòng khám thuộc hệ nội: khám bệnh, chẩn đoán, điều trị các bệnh thuộc chuyên khoa đã được duyệt.

c. Phòng tư vấn qua điện thoại: bác sỹ chỉ tư vấn những chuyên khoa đã được đăng ký và được đào tạo.